

Số: 19 /QĐ-TTĐL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2021 của Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý TP.HCM

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1653/TB-SKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc xét duyệt quyết toán ngân sách niên độ năm 2021 của Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý TP.HCM;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính – Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

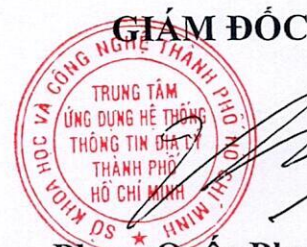
Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi nguồn NSNN, nguồn khác năm 2021 của Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý TP.HCM (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý TP.HCM, Trưởng phòng Hành chính - Kế toán và các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Sở KHCN (phòng KHTC);
- CB, VC, NLĐ;
- Lưu: VT, Hu (2) /



Phạm Quốc Phương

Đơn vị: Trung tâm Ứng dụng hệ thống thông tin Địa lý Tp.HCM
Chương: 417

QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-TTĐL ngày 17/10/2022 của Trung tâm Ứng dụng Hệ thống thông tin Địa lý TP.HCM)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	12.925.200.843	12.925.200.843	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi Cải cách tiền lương nguồn ngân sách	0	0		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	12.925.200.843	12.925.200.843	0	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	499.980.000	499.980.000	0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.425.220.843	12.425.220.843	0	
2.3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên năm trước chuyển sang	0	0		
2.3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên được giao trong năm	12.425.220.843	12.425.220.843		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
C	Quyết toán thu, chi nguồn sản xuất kinh doanh dịch vụ				
1	Doanh thu sản xuất kinh doanh dịch vụ	3.089.268.737	3.089.268.737	0	
2	Chi từ nguồn thu sản xuất kinh doanh dịch vụ	2.534.067.686	2.534.067.686	0	
3	Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ	555.201.051	555.201.051	0	